

Bản án số: 29/2018/HS-ST
Ngày 18-9-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Phương Thảo và ông Sa Văn Linh.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Viên, Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Lương Thành Long, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Hạng A L (Hạng A C), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1993; tại: huyện B, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: bản H, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Hạng A T, sinh năm 1968 và con bà Thào Thị K, sinh năm 1969; bị cáo có vợ Mùa Thị Tổng M, sinh năm 1994 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền sự: không; tiền án: Ngày 12/9/2017 bị Tòa án nhân dân (TAND) huyện B xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 20/6/2018 đến nay; có mặt tại phiên toà.

- Bị hại: Giàng A P, sinh năm 1972, nơi cư trú: bản X, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đỗ Văn D, sinh năm 1967, nơi thường trú: xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình; nơi tạm trú: bản H, xã L, huyện B, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

Phạm Văn B, sinh năm 1958, nơi thường trú: xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình; nơi tạm trú: bản H, xã L, huyện B, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- Người làm chứng: Lương Văn Đ, vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Thào A C, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tiểu khu V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 20/5/2018, Hạng A L ở nhà thuộc bản H, xã X, huyện B thì thấy con chó của Giàng A P đến trước cửa nhà L, quan sát xung quanh không có ai, thấy trên cổ con chó đã buộc dây thừng màu đỏ, L tiến lại gần con chó, túm lấy đoạn dây thừng rồi buộc con chó vào vách nhà. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, L tháo sợi dây buộc ở cổ con chó ra và cho con chó vào bao tải rồi mang đến bản H, xã L, huyện B bán cho anh Đỗ Văn D và Phạm Văn B lấy số tiền 260.000VNĐ, ngày 18/6/2018, anh P phát hiện thấy con chó đang được anh D và anh B nuôi liền hỏi về nguồn gốc thì được biết anh D và B mua với Hạng A L.

Ngày 19/6/2018, anh P đã có đơn trình báo, đề nghị cơ quan chức năng điều tra xử lý đối với hành vi trộm cắp của Hạng A L.

Tiến hành điều tra, ngày 20/6/2018 cơ quan chức năng thu giữ vật chứng với Đỗ Văn D là 01 con chó đực thuộc giống chó Việt Nam, lông màu đen, tai cụp, cân nặng 08 kg; xác minh đối với đoạn dây thừng buộc ở cổ con chó và bao tải đựng con chó nhưng không thu giữ được.

Ngày 29/6/2018 Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận định giá tài sản: 01 con chó đực thuộc giống chó Việt Nam, lông màu đen, tai cụp, cân nặng 08 kg trị giá là 520.000 VNĐ.

Ngày 01/7/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại 01 con chó đực thuộc giống chó Việt Nam, lông màu đen, tai cụp, cân nặng 08 kg cho anh Giàng A P, anh P không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số: 25/CT-VKS-BY ngày 23/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Hạng A L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu đó là do nhận thức của bản thân hạn chế, cần tiền chi tiêu cá nhân nên nảy sinh ý định và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo xin hưởng sự khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Hạng A L (Hạng A C). Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt Hạng A L từ 09 đến 12 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo; áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra

đã trả lại 01 con cho bị hại Giàng A P; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện B; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng mức án thấp nhất.

Bị hại Giàng A P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn D, Phạm Văn B vắng mặt và các lời khai đều không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Dương sự Giàng A P, Đỗ Văn D và Phạm Văn B vắng mặt; Hội đồng xét xử thấy lời khai có trong hồ sơ đã rõ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên quyết định xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản nhận dạng vật chứng, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: Ngày 12/9/2017 bị cáo L bị TAND huyện B, tỉnh Sơn La xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt ngày 28/02/2018 về địa phương nhưng bị cáo L không tiếp tục rèn luyện bản thân mà vào khoảng 09 giờ ngày 20/5/2018 bị cáo L thấy con chó đực, lông màu đen, tai cụp, trọng lượng 08 kg của anh Giàng A P đến nhà liền bắt giữ rồi mang đi bán cho anh Đỗ Văn D và anh Phạm Văn B được số tiền 260.000VNĐ. Theo Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG, ngày 29/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B: 01 con chó đực thuộc giống chó Việt Nam, lông màu đen, tai cụp, cân nặng 08 kg trị giá là 520.000 VNĐ. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì hành vi phạm tội của Hạng A L thực hiện trong thời gian chưa được xóa án tích.

Như vậy, bị cáo Hạng A L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã lén lút chiếm đoạt tài sản có trị giá 520.000VNĐ; hành vi đó đã xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản trong thời gian bị cáo chưa được xóa án tích. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hạng A L phạm tội “Trộm cắp tài

sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo L là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo tuổi còn rất trẻ đã được cải tạo giáo dục rèn luyện bản thân, được tái hòa nhập cộng đồng nhưng không chuyên tâm lao động làm ăn lương thiện để phát triển kinh tế gia đình mà ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, thích hưởng thụ bằng tài sản của người khác; với lỗi cố ý trực tiếp bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu lén lút chiếm đoạt, mục đích bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Tội phạm bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng nhưng đã hoàn thành, hậu quả xảy ra không những xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của anh P có giá trị 520.000VNĐ, gây thiệt hại đến tài sản của anh D là 100.000VNĐ và anh B là 160.000VNĐ mà còn làm ảnh hưởng đến chính sách về giáo dục người phạm tội của Nhà nước, ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo phạm tội và đề nghị hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Hành vi chiếm đoạt chưa được xóa án tích là dấu hiệu định tội, định khung nên bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo không có tiền sự; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gây thiệt hại không lớn; bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo luôn thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo là người dân lao động, dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế; tuổi đời bị cáo còn trẻ cần thiết giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó, xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo có nhân thân xấu, chính quyền địa phương xác định không chấp hành nghiêm chỉnh nội quy nơi cư trú, không có khả năng tự cải tạo nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục chung hành vi tương tự.

[7] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo lao động trồng trọt thu nhập thấp, không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: cần áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2018 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[9] Đối với Đỗ Văn D, Phạm Văn B là người được L bán tài sản nhưng không biết rõ nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý về hình sự theo vụ án này.

[10] Vật chứng của vụ án:

01 con Chó đực thuộc giống chó Việt Nam, lông màu đen, tai cụp, cân nặng 08 kg là tài sản của anh Giàng A P; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thu giữ và trả lại chủ sở hữu là đúng thẩm quyền, có căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với đoạn dây thừng buộc ở cổ con chó và bao tải đựng con chó cơ quan chức năng không thu giữ được nên không có cơ sở xử lý.

[11] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Giàng A P đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn D, Phạm Văn B không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền mua bán tài sản nên không có căn cứ giải quyết.

[12] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo; bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Hạng A L (Hạng A C) phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Hạng A L (Hạng A C) 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, giam 20/6/2018; không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hạng A L.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/9/2018); bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B (CSĐT, THAHS, nơi giam);
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà